TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG MÃ** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 6 - 2024
V/v: Xin ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Văn Long.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Vân; ông Lò Văn Thôn.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Hùng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sộng Nỏ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc: Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 5 năm 20243 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 37/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Sộng A Nh, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Bản Huổi M (Hán K), xã Chiềng Kh, huyện Sông M, tỉnh Sơn La, (vắng mặt).

Bị đơn: Chị Giàng Thị S, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản Huổi M (Hán K), xã Chiềng Kh, huyện Sông M, tỉnh Sơn La, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 20/02/2024 và bản tự khai ngày 28/02/2024 nguyên đơn anh Sộng A Nh trình bày:

Anh Sộng A Nh và chị Giàng Thị S qua thời gian tìm hiểu kết hôn với nhau từ ngày 06/3/2020 trên cơ sở hai bên cùng tự nguyện, không có sự ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Việc kết hôn được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một năm thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong quá trình chung sống tính tình

không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, mặc dù đã được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên bảo giáo dục nhiều lần nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn mâu thuẫn lại xảy ra. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân được 04 năm, anh Nh xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với chị S được nữa nên anh Nh đề nghị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Sộng Thị M, sinh ngày 18/8/2014 và Sộng A T, sinh ngày 06/7/2016. Nếu ly hôn anh Nh có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con nhỏ là Sộng A T, con lớn là Sộng Thị M anh Nh sẽ giao cho vợ nuôi dưỡng, chăm sóc và không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không kê khai, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có khoản nợ chung nào.

Đối với nguyên đơn Sộng A Nh: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các chứng cứ, có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn Giàng Thị S trong quá trình giải quyết vụ án chị S không hợp tác để giải quyết, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần và trực tiếp lập biên bản niên yết tại địa phương nhưng chị S vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc, vì vậy tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu quan điểm giải quyết vu án: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã Tân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã Tân theo quy định của pháp luật và các thủ tục. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được tống đạt các thủ tục theo quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Xử cho anh Sộng A Nh được ly hôn chị Giàng Thị S.

- Về con chung: Giao con chung là Sộng A T, sinh ngày 06/7/2016 cho anh Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến Tối trưởng thành. Giao con chung là Sộng Thị M, sinh ngày 18/8/2014 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến Tối trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: Không kê khai, không đề nghị giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, Mễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đương sự được Mễn nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền tố tụng: Bị đơn Giàng Thị S có hộ khẩu thường trú tại bản Huổi M (Hán Ku), xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La được Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự:

Đối với nguyên đơn: Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần và trực tiếp lập biên bản niên yết tại địa phương, cũng như giao trực tiếp Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị S vẫn vắng mặt không có lý do. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Sộng A Nh kết hôn với chị Giàng Thị S trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Trong thời gian chung sống anh Nh và chị S sống không hạnh phúc trong cuộc sống luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn của anh Nh và chị S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh Nh xin ly hôn với chị S là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Sộng Thị M, sinh ngày 18/8/2014 và Sộng A T, sinh ngày 06/7/2016. Nếu ly hôn anh Nh có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con nhỏ là Sộng A T; con lớn là Sộng Thị M anh Nh sẽ giao cho chị S nuôi dưỡng, chăm sóc và không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của của các con và theo lời khai của anh Nh trình bày từ khi vợ chồng sống ly thân thì con nhỏ là Sông A T theo ở cùng bố, con lớn là Sộng Thị M đi theo mẹ về quê ngoại sinh sống cùng mẹ.

[4] Về tài sản chung: Không kê khai, không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về vấn đề năm sinh của bị đơn Giàng Thị S, trên thẻ căn cước công dân có ghi chị S sinh ngày 18/3/1988 nhưng trên giấy đăng ký kết hôn lại ghi sinh ngày 18/3/1998. Tòa án đã tiến hành xác Mnh tại Công an xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã. Kết quả qua rà soát trên hệ thống quản lý dữ liệu dân

cư quốc gia, chị S được cấp thẻ căn cước công dân và có ngày sinh là 18/3/1988 và xác định chị Giàng Thị S, sinh ngày 18/3/1988 và Giàng Thị S, sinh ngày 18/3/1998 là cùng một người.

[7] Về án phí: Đương sự là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được Mễn nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, Mễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Sộng A Nh đối với chị Giàng Thị S.

Xử cho anh Sộng A Nh được ly hôn chị Giàng Thị S.

2. Về con chung: Giao con chung là Sộng A T, sinh ngày 06/7/2016 cho anh Sộng A Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến 18 Tổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung là Sộng Thị M, sinh ngày 18/8/2014 cho chị Giàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến 18 Tổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Sộng A Nh và chị Giàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hai bên có quyền đi lại thăm nom, giáo dục các con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không kê khai, không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

4. Về nợ chung: Không có.

5.Về án phí: Đương sự là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được Mễn nộp án phí theo quy định.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã Chiềng Khoong;
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP.

Lô Văn Long